

SỰ DUNG HỢP NHO-PHẬT-ĐẠO TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG ÂM HỒN

PHẠM TẤN THIÊN

TÓM TẮT

Thờ cúng âm hồn là một tín ngưỡng dân gian thể hiện quan niệm của người dân về thế giới quan, nhân sinh quan. Bên cạnh các loại hình tín ngưỡng khác, thờ cúng âm hồn cũng có một hệ giá trị nhằm giáo dục nhân cách sống của người Việt, đồng thời giúp thỏa mãn nhu cầu tâm linh của mỗi cá nhân, dòng tộc, cộng đồng.

Từ khi Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo du nhập vào Việt Nam, cha ông ta đã chủ động cởi mở đón nhận chọn lọc, dung hợp thành của riêng mình, phù hợp với hoàn cảnh sống và phục vụ cho lợi ích của chính mình. Sự hòa hợp ấy được thể hiện một cách rõ nét trong *tín ngưỡng thờ cúng âm hồn* phổ biến ở hầu khắp mọi miền trên đất nước ta.

Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn có ảnh hưởng tích cực tới đời sống cá nhân, cộng đồng và xã hội. Bên cạnh *tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên* vốn đã rất phổ biến trong đời sống thì tín ngưỡng thờ cúng âm hồn cũng nhằm giáo dục nhân cách con người Việt và đồng thời thỏa mãn nhu cầu tâm linh của mỗi cá nhân, dòng tộc, cộng đồng.

1. KHÁI LƯỢC VỀ ÂM HỒN

Trước hết, có thể gọi *Thuyết vật linh*

(Animism) trong *Văn hóa nguyên thủy* của E.B. Tylor có vai trò như một viên gạch đầu tiên đặt nền móng cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về thế giới tâm linh, tôn giáo, tín ngưỡng, trong đó có *tín ngưỡng thờ cúng âm hồn*. Lý thuyết vật linh cổ về sự sống đã giải thích được nhiều điều thuộc những trạng thái vật chất và tinh thần bằng lý thuyết về sự bay đi của toàn bộ linh hồn. Lý thuyết này chiếm một vị trí rất quan trọng và bền vững trong sinh hoạt của người hoang dã. Theo Tylor thì “niềm tin vào sự bay đi tạm thời của linh hồn được thấy trên toàn thế giới ở những nghi lễ của phù thủy, thầy cúng và thậm chí cả những người bói toán” (E.B. Tylor, 2000, tr. 524). Tylor còn mở rộng ra linh hồn của động vật, cây cối, đồ vật... Ma được phân loại thành ma hiền và ma dữ, từ đó sinh ra học thuyết ma ám, những câu thần chú, hiến tế, thuốc chống ma, học thuyết về bái vật giáo, thờ thú vật, thần thánh...

Có nhiều cách giải thích khác nhau về thuật ngữ *âm hồn*. Theo *Việt Nam tự điển* thì *âm hồn* có nghĩa là *hồn người chết* (Hội Khai Trí Tiến Đức, 1931, tr. 13). Thờ linh hồn từ vua đến dân thường chết không có nơi thờ tự.

Theo Hán tự *âm hồn* là hồn người chết về cõi âm. Theo học thuyết nhân quả của nhà Phật, con người sau khi chết, phần hồn tùy theo nghiệp quả sẽ đầu thai theo lục đạo:

- Thiên: Cõi trời như Phật, Bồ Tát,...

Phạm Tấn Thiên. Học viên Cao học Văn hóa học Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người: Con người (sang, hèn, giàu, nghèo, hạnh phúc, bất hạnh...).
- A tu la: Quỷ thần (bậc ở trung gian).
- Súc sinh: súc vật như trâu, bò, ngựa, dê...
- Ma quỷ: loài quỷ đói thường ở nơi dơ bẩn, ẩm ướt.
- Địa ngục: nẻo về của kẻ ác (cõi âm).

Còn theo *Từ điển Văn hóa, phong tục cổ truyền Việt Nam*, *âm hồn* là hồn của người chết ở nơi cõi âm theo tưởng tượng, có thể quanh quẩn bên người thân còn sống. (Nguyễn Như Ý-Chu Huy, 2011, tr. 17). Âm hồn cũng có thể là linh hồn của những người chết từ nơi khác trôi dạt về, không biết danh tính được người dân trong làng, vạ lo mai táng, chôn cất. Âm hồn còn là “cộng đồng vong hồn gồm đủ loại từ vua quan đến thứ dân, từ giàu sang đến nghèo hèn, từ con người đến côn trùng thú vật”. (Huỳnh Ngọc Trảng-Trương Ngọc Tường, 1999, tr. 138).

Như vậy, *âm hồn* là những người đã chết nhưng vì nhiều lý do khác nhau không có ai thừa nhận hoặc không ai biết đến. Họ có thể là một kẻ vô gia cư, không họ hàng thân thích. Họ có thể là ngư dân gặp bão bùng, tai nạn trên biển trôi dạt vào đất liền mà trên người không có một dòng địa chỉ liên lạc. Cũng có thể họ có gia đình, bà con, thân tộc nhưng trên bước đường lưu lạc mưu sinh, bất thành linh gặp tai ương, bệnh tật, cạp tha, hổ vồ rồi lìa đời ở một nơi nào đó mà thân nhân chẳng được báo tin, vô tình trở thành những âm hồn cô độc... Từ những cách giải thích âm hồn đã nêu trên, chúng tôi định nghĩa thuật ngữ âm hồn như sau: Âm hồn là những linh hồn cô độc, chết vì nhiều lý do

khác nhau chưa được siêu thoát, lang thang vất vưởng, không được thân nhân thờ cúng.

2. TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG ÂM HỒN Ở VIỆT NAM

Nói về tín ngưỡng thờ cúng âm hồn ở Việt Nam, Nguyễn Lang trong công trình *Việt Nam Phật giáo sử luận* viết: Lễ siêu độ ngạ quỷ, cô hồn có nguồn gốc từ Ấn Độ được truyền sang và thịnh hành ở Trung Hoa vào đời Đường do ngài Bất Không Kim Cang (Amogha), còn gọi là Bất Không Tam Tạng, người Bắc Ấn Độ, một truyền nhân nổi tiếng của Mật giáo (Kim Cang Thừa - Vajrayāna) hoằng hóa. Tuy nhiên, chúng ta chưa thấy tài liệu nào cho biết chính xác niên đại của nghi thức lễ siêu độ ngạ quỷ cô hồn có ở Việt Nam từ khi nào. Theo Nguyễn Lang thì lễ siêu độ cô hồn đã được phổ biến rộng rãi ở đời Trần. Sách *Đại Việt Sử ký toàn thư* chép, phép thí thực này du nhập vào Đại Việt vào năm 1302 do một đạo sĩ tên Hứa Tôn Đạo. Năm 1320, Pháp Loa tổ chức trai đàn chẩn tế ở chùa Phổ Ninh trong cung để cầu cho Thượng hoàng Trần Anh Tông sống lâu thêm. Trong những trai đàn lớn, nghi thức chẩn tế được dùng là nghi thức Du Già Khoa Nghi, đầy những ấn quyết và thần chú. Trong thiền môn, thời khóa tụng niệm buổi chiều thường có một nghi thức thí thực cô hồn ngắn, gọi là *Mông Sơn thí thực văn*. Cả hai nghi thức đều mang nặng màu sắc *Mật giáo*⁽¹⁾ (Nguyễn Lang, 1974, tr. 412).

Theo *Đại Nam nhất thống chí*, phần về tỉnh Quảng Bình, Nghệ An thì: “về việc tế âm hồn, năm 1449 lập đền tế âm hồn không ai thờ cúng. Đến năm 1464 mới định lễ vật

thịt rượu tế âm hồn, chia làm ba bậc thượng, trung, hạ đều theo như lễ vật tế bách thần, hàng năm sai quan phủ đặt tế lễ ba mùa (xuân, hạ, thu), làm thành lệ (Nguyễn Duy Hình, 1996, tr. 75). Còn Phan Huy Chú thì nhận định: “Lễ này có từ đầu nhà Lê, về sau vẫn làm theo, không đổi” (Phan Huy Chú, 1992, tr. 143).

Tục cúng cháo thí thường tổ chức tại các đình chùa cho những cô hồn chết đường chết chợ, những người chết oan, chết mất xác ngoài chiến trận, hoặc những người chết mất xác trên biển, không ai biết tên tuổi để cúng giỗ hàng năm. Khi thực hiện nghi lễ này, người ta cho rằng các cô hồn uổng tử sẽ đến nhận chén cháo cho no bụng ấm lòng, và để hưởng ơn “xá tội vong nhân” cho mau chóng được đầu thai sang kiếp khác.

Việc thờ cúng âm hồn ngoài cộng đồng bên cạnh nguyên nhân không có người thờ tự thì theo quan niệm dân gian, đối tượng này cũng có thể gây ảnh hưởng ít nhiều đến cuộc sống của người dân. Việc cúng bái xuất phát từ tâm lý sợ hãi, mong âm hồn đừng quấy phá công việc làm ăn, buôn bán và tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của mình. Ngoài ra, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn còn là một hình thức cầu an, cầu mùa, cầu mong xứ sở, xóm làng được bình yên. Vì vậy, tín ngưỡng này có ý nghĩa nhân văn cao cả, đó là sự cảm thông sâu sắc giữa người sống với người đã chết, đó còn là sự tri ân đối với các bậc tiền bối đã có công giữ gìn cho làng xóm bình yên, đã có công khai phá và xây dựng làng mạc, ruộng đồng. Có nhiều hình thức thờ cúng âm hồn khác nhau, có loại cúng nhưng không thờ thường phổ biến ở gia đình, cá nhân. Có loại cúng có

cơ sở thờ tự (nghĩa tự) thường phổ biến ở cộng đồng làng, xã (đặc biệt phổ biến ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ).

3. THEO TƯ TƯỞNG ĐẠO GIÁO

Tuy có sự hỗn dung Tam giáo trong hệ tư tưởng, song thực tế, chúng ta có thể khu biệt các quan niệm ứng xử khác nhau trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn. Nhìn chung, *chất lượng của mối quan hệ giữa người sống với âm hồn được quy vào việc thực hành tế tự, thờ cúng*. Theo đó, vong hồn cô độc, do không có người tế tự, cúng kiếng nên bị bỏ đói khát, lạnh lẽo thường phải lang thang vẩn vơ gieo rắc tai họa cho con người trần thế, đặc biệt là các vong hồn uổng tử vốn còn nhiều sân hận nên trở thành đám “ôn hồn dịch lệ” hại đời. Đó là các đối tượng mà pháp sư, phù thủy của *Đạo giáo* phải giải trừ bằng bùa, chú, pháp thuật. Điều này được thấy phổ biến trong lễ Tống ôn/Tống gió/Tống tiễn cô hồn “xuống tàu” bằng bè chuối thả trôi sông sau lễ Kỳ yên của đình làng Nam Bộ (Huỳnh Ngọc Trảng, 2011, tr. 276). Hay tục tống ôn, một nghi lễ nằm trong diễn trình lễ tế Âm linh của hầu hết các làng biển Quảng Nam - Đà Nẵng, còn gọi là “tống cói hạ kỳ” hay “tống ôn đưa khách”. Ngày nay, lễ tống ôn-tống gió ít được tổ chức hơn trước, những chi tiết liên quan đến thầy pháp, thầy phù thủy (*Đạo giáo*) đã được giản lược đi đáng kể, nhưng nhiều địa phương vẫn còn duy trì như một nét văn hóa tâm linh của họ.

4. THEO TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

Theo tư tưởng Phật giáo, công việc cúng âm hồn thuộc các vị xuất gia tại chùa Bắc tông và tiến hành thực hiện vào buổi chiều mỗi ngày. Cúng cầu siêu cho âm hồn ngoài được tổ chức chính tại các chùa,

còn lại thường tổ chức cúng tại gia, không được cúng tập thể tại các nghĩa trũng, nghĩa tự mang tính dân gian, làng xã như miền Trung. Và có lẽ, người dân Nam Bộ cũng ảnh hưởng tư tưởng cúng cầu siêu cho âm hồn của Phật giáo. Theo thuyết nhà Phật, có ba điều cần nắm vững trước khi tiến hành lễ Mông Sơn thí thực.

Thứ nhất, đối tượng của nghi thức này là các hương linh chưa được siêu thoát sau khi trút hơi thở cuối cùng trên cõi trần thế. Trong đó có sáu nguyên nhân được xem là đầu mối của sự vướng kẹt, và để lễ cầu siêu có kết quả các nhà sư phải tập trung vào những nguyên nhân đó để giúp hương linh được siêu thoát:

- Hận thù trong chiến tranh mà cái chết tình linh xảy ra thì làm cho mối thù hận ấy tăng thêm, chết trong hận thù như vậy khó siêu thoát.
- Chết bất đắc kỳ tử, bao gồm các loại chết ngang xương, chết lẳng xẹt khi nghiệp chưa hết, tuổi thọ chưa hết, như chết do thiên tai, sóng thần, động đất, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, tai nạn giao thông...
- Các loại chết tự tử, tìm đến cái chết khi con người đứng trước những nghịch cảnh, rơi vào tuyệt vọng dẫn đến trầm cảm nặng và nghĩ rằng cái chết là phương tiện duy nhất để giải thoát khổ đau.
- Chết trong nỗi oan ức, người ta chỉ còn cách chọn cái chết để thanh minh cho sự trong sạch của mình.
- Chết trong tình yêu quyến luyến, da diết không buông. Khi chồng hoặc vợ mất đi, người còn lại đừng vội vã tái hôn trong vòng 1 năm để tạo ra một khoảng thời gian an toàn cho việc siêu thoát của người đã từng tay áp chân gối.

- Sự tiếc nuối tài sản, sự nghiệp, vị trí xã hội, danh dự.

Thứ hai, trong Kinh điển Đại thừa, sáu đối tượng chết như trên thường có nhu cầu ăn uống vào giờ chiều tối. Nhưng có một điều cần nhận thức rõ là các hương linh không ăn như con người trần thế mà chỉ thưởng thức hương vị dâng cúng của người còn sống đối với người đã chết, thể hiện lòng kính tiếc dành cho hương linh. Hương linh không có miệng để đưa thực phẩm vào, không có cổ để nuốt, bao tử để chứa, hệ tiêu hóa để tiêu hóa. Tuy nhiên, dựa vào lễ vật dâng cúng như cơm, cháo, hương, đèn..., ý niệm về sự no đủ xuất hiện với họ. Chính vì vậy trong nghi thức dâng cúng, phẩm vật rất đơn giản. Cần hiểu rõ nhu cầu đối khát của hương linh khác với con người, để chúng ta không quá bận tâm cúng các món người chết thích khi còn sống. Vì cúng như vậy không những không có giá trị, mà còn dẫn đến sự tốn kém.

Thứ ba, theo quan điểm Phật giáo, toàn bộ nhận thức của hương linh chỉ đơn giản là cảm nhận bằng cái tâm. Vậy nên, những người tham gia cúng âm hồn, cô hồn vào buổi chiều tối, quan trọng nhất là *năng lực hoán tưởng và hành trì*. Vì vậy, khi tiến hành cúng hoặc cầu siêu cần tập trung cao độ vào đối tượng thờ cúng, tránh phân tâm dẫn đến cúng kiếng và cầu siêu không còn ý nghĩa, âm hồn không cảm nhận được⁽²⁾.

Cũng cần phải nói thêm rằng, *Lễ Vu Lan* và *Lễ cúng âm hồn* là hai lễ cúng hoàn toàn khác nhau của Phật giáo, với hai tích hoàn toàn khác nhau dù được cử hành trong cùng một ngày Rằm tháng Bảy. Một

đăng thì liên quan đến chuyện tôn giả Mục Kiền Liên cứu mẹ khỏi chốn địa ngục, một đăng lại liên quan đến chuyện tôn giả Anan thực hiện nghi thức bố thí cho các loài ngựa quý. Một đăng là để cầu siêu cho cha mẹ và ông bà bảy đời, một đăng là để bố thí cho những vong hồn không ai thờ cúng. Một đăng là báo hiếu, một đăng là làm phước. Sự khác nhau giữa hai bên là điều hiển nhiên. Tuy vậy, vẫn có một số người lẫn lộn. Chẳng hạn như nhận định của nhà nghiên cứu văn hóa Nguyễn Duy Hinh, khi học giả này cho rằng: “Ngày Rằm tháng 7 vốn là lễ Vu Lan của Phật giáo ghi nhớ việc báo hiếu của Mục Kiền Liên nhờ Phật cứu mẹ ra khỏi địa ngục. Nhưng người Việt đã chuyển hóa thành ngày tế cô hồn” (Nguyễn Duy Hinh, 2007, tr. 532).

5. THEO TƯ TƯỞNG NHO GIÁO

Một điểm khác, theo quan điểm “*thương tôn nhân nghĩa*” của *Nho giáo* về việc thờ cúng âm hồn, hình thức *tế nghĩa trùng – nghĩa tự* phổ biến ở hầu khắp các làng quê Nam Trung Bộ, đặc biệt là các làng quê ven biển. Đối với *Nho giáo*, việc thờ cúng tổ tiên là một chuẩn mực chính yếu của đạo hiếu. Do vậy, các âm hồn cô độc, tức người đã chết không có con cháu nối dõi thờ tự (mồ mả không được tu bổ, sửa sang, hàng năm không được cúng giỗ) là những trường hợp bất hạnh, vô phúc. Vậy nên, để thể hiện lòng nhân nghĩa, các làng xóm phải lập *Sở nghĩa trùng, nghĩa tự* (hoặc am âm hồn, miếu âm linh) để thờ cúng các đối tượng đó như một thiết chế văn hóa địa phương và hàng năm, vào trước dịp cúng thần ở đình làng, vào rằm tháng giêng, hoặc phổ biến nhất là vào dịp Thanh Minh, cư dân ven biển Quảng Ngãi

đều tiến hành lễ tế nghĩa trùng, nghĩa tự (giấy cỏ, đắp nắm tắt cả mộ hoang và bày lễ vật cúng tế theo nghi thức tế lễ của *Nho giáo*: trống, chiêng, dâng lễ vật, đọc văn tế...). Ngoài ý nghĩa đạo đức, việc cúng lễ cho các âm hồn cô độc cũng nhằm hướng âm hồn phục vụ lợi ích cộng đồng, biến thành lực lượng siêu nhiên có tác dụng bảo hộ trật tự của làng xóm, khu vực làm ăn sinh sống.

Và, theo nhận định chủ quan của chúng tôi, nếu như mục đích cuối cùng của lễ xá tội vong nhân trong tư tưởng Phật giáo là giúp cho âm hồn, vong linh được siêu thoát về miền cực lạc, không còn ở chốn dương gian để hại người, hại đời, thì tín ngưỡng thờ cúng âm hồn trong dân gian dường như là chấp nhận sự tồn tại của những thế lực âm hồn này song hành trong cuộc sống của mình. Cúng bái một mặt là để tỏ lòng thành kính, tình yêu thương, trân trọng “thập loại chúng sinh”, bên cạnh đó là cầu xin các thế lực âm hồn phù hộ độ trì cho cuộc sống của người dân được ấm no, đủ đầy. Như vậy, có thể nói, việc thờ cúng âm hồn ngoài cộng đồng làng xóm, đặc biệt phổ biến tại các nghĩa trùng, nghĩa tự của cư dân vùng ven biển Nam Trung Bộ chịu ảnh hưởng lớn từ triết lý tư tưởng Nho giáo, thấm đượm tư tưởng nhân nghĩa, hiếu hòa.

“Đã biết anh hùng vô định cốt, gặp vận này đất Việt trời Nam. Nhưng mà đồng loại vẫn thương tâm, thăm cho kẻ mồ hoang cỏ loạn. Nay xin diện một diên trà quả, dưới những tuyền hoặc thấu cho chăng, tạm dùng đôi ngọn hương đăng, lòng dân sĩ xin soi đến đó” (Văn tế Âm Linh tự - An Vĩnh, Lý Sơn, Quảng Ngãi).

6. KẾT LUẬN

Có thể khẳng định, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn vốn có nguồn gốc từ Phật giáo. Tuy nhiên, khi lễ thức này đi sâu vào đời sống dân gian, nó đã được cải biên và thay đổi một cách tự nhiên và sâu sắc, phù hợp với tập tục truyền thống của cha ông. Xuất phát từ các tín niệm khác nhau về âm hồn, trong thực tế lịch sử đất nước ta có những hình thức lễ hội cúng tế các đối tượng này đa dạng với những hình thức diễn xướng và thực hành nghi lễ phong phú. Ở đó, nếu hình thức nghi lễ *Đạo giáo* nhằm chức năng giải trừ, tống ôn thì hình thức tế lễ ở các nghĩa trũng, nghĩa tự theo tư tưởng *Nho giáo* lại có chức năng giáo hóa, đề cao đạo lý nhân nghĩa không chỉ giới hạn trong quan hệ giữa người với người mà còn lớn hơn: giữa người sống và người đã chết, xác lập một công ước giữa quá khứ và hiện tại. Riêng *Phật giáo*, các lễ hội, khoa nghi chấn tế âm hồn, vong hồn là những *biện sự tùy thuận thế gian*, song từ đó luôn nhắm đến cứu cánh giải thoát: sự giác ngộ chính bản thân mình.

Qua những tập tục cúng tế đã trình bày trên, chúng ta thấy dạng thức tín ngưỡng thờ cúng âm hồn là một tổng thể được hình thành trên những giáo thuyết khác nhau trong hệ thống tín ngưỡng từ xưa. Có tập tục thuần Phật giáo, song phần lớn là không thuần nhất, mà trộn lẫn cả Nho-Phật-Đạo, đây cũng là một nét đặc sắc trong tín ngưỡng thờ cúng âm hồn trên cả nước.

Tựu trung lại, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn là một hiện tượng mang tính lịch sử-xã hội, và muốn tín ngưỡng này thực hành theo chiều hướng tiến bộ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tính bền vững.

Vì thờ cúng âm hồn không chỉ là cách ứng xử của người sống đối với những số phận bất hạnh đã thác xuống mà còn là cách ứng xử giữa những người đang còn tồn tại trên thế gian này. Đây là nét độc đáo trong truyền thống văn hóa, là thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam ta. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ *Mật giáo*: là một trong những tông phái của Phật giáo, xuất phát từ Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ VII, rồi sau đó truyền bá sang Trung Hoa, Nhật Bản... đặc biệt phát triển mạnh mẽ ở Tây Tạng.

⁽²⁾ Theo bài giảng của Đại đức Thích Nhật Từ về ý nghĩa cúng cô hồn và cầu siêu tại chùa Hưng Phước ngày 7/8/2011.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Ngọc Trảng-Trương Ngọc Tường-Hồ Tường. 1993. *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
2. Huỳnh Ngọc Trảng-Trương Ngọc Tường. 1999. *Đình Nam Bộ xưa và nay*. Đồng Nai: Nxb. Đồng Nai.
3. Hội Khai Trí Tiến Đức. 1931. *Việt Nam Tự điển*. Nxb. Mặc Lâm.
4. Hữu Ngọc (Chủ biên). 1995. *Từ điển văn hóa cổ truyền Việt Nam*. Nxb. Ngoại văn.
5. Nguyễn Duy Hinh. 1996. *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
6. Nguyễn Duy Hinh. 2007. *Tâm linh Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.
7. Nguyễn Lang. 1974. *Việt Nam Phật giáo Sử luận*. Nxb. Lá Bối.
8. Nguyễn Minh San. 1998. *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
9. Nguyễn Như Ý-Chu Huy. 2011. *Từ điển văn*

(Xem tiếp trang 8)

(Tiếp theo trang 79)

hóa, phong tục cổ truyền Việt Nam. Nxb. Giáo dục Việt Nam.

10. Nguyễn Xuân Hương. 2009. *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam-Đà Nẵng*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa & Viện văn hóa.

11. Phan Huy Chú. 1992. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

12. Tylor, E.B. 2000. *Văn hóa nguyên thủy*. Hà Nội: Nxb. Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật.